

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐT VÀ PT ĐIỆN SÊ SAN 3A
PHÒNG TỔNG HỢP

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 04/2025

Trong giai đoạn vừa qua, một số chính sách mới ban hành có hiệu lực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và người lao động gồm: 06 Nghị định và 04 Thông tư. Phòng Tổng hợp tóm tắt trích dẫn, đăng tải các văn bản trên để người lao động trong Công ty được biết, tham khảo, phục vụ công việc.

**DANH SÁCH VÀ NỘI DUNG
BẢN TIN PHÁP LUẬT**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
Nghị định			
01	Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước	28/02/2025	15/4/2025
02	Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực	03/3/2025	03/3/2025
03	Nghị định số 57/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn	03/3/2025	03/3/2025
04	Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới	03/3/2025	03/3/2025
05	Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực	04/3/2025	04/3/2025
06	Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn	04/3/2025	04/3/2025

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
	trong lĩnh vực điện lực		
Thông tư			
01	Thông tư số 16/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh	01/02/2025	01/02/2025
02	Thông tư số 17/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định phương pháp lập và trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá bán buôn điện; phương pháp xác định giá bán buôn điện; nội dung chính của hợp đồng bán buôn điện	01/02/2025	01/02/2025
03	Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	28/02/2025	28/02/2025
04	Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTBXH ngày 11/02/2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.	11/02/2025	01/4/2025

Tóm tắt và trích dẫn

I. Nghị định

1. Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước

Theo đó, việc xác định quỹ tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước được thực hiện như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương ổn định và chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch hằng năm doanh nghiệp lựa chọn tính đơn giá tiền lương ổn định theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 44/2025.

- Quỹ tiền lương thực hiện được xác định gắn với năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện hằng năm so với năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện bình quân của các năm liền trước khi xác định đơn giá tiền lương ổn định (sau đây gọi là năng suất lao động bình quân và lợi nhuận bình quân) như sau:

+ Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương ổn định và chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh tính đơn giá tiền lương thực hiện hằng năm,

bảo đảm mức tăng tiền lương không vượt quá mức tăng năng suất lao động thực hiện của năm đó so với năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện năm đó không thấp hơn lợi nhuận bình quân;

+ Đối với doanh nghiệp có lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận bình quân thì được tăng thêm tiền lương vào quỹ tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản này theo nguyên tắc vượt 1% lợi nhuận thì được tăng thêm tối đa 2% quỹ tiền lương, nhưng tiền lương tăng thêm không quá 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch và không quá 02 tháng tiền lương bình quân xác định trên cơ sở quỹ tiền lương thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 44/2025;

+ Đối với doanh nghiệp có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận bình quân thì phải giảm trừ quỹ tiền lương thực hiện tương ứng theo tỷ lệ (%) hoặc theo giá trị tuyệt đối của phần lợi nhuận thực hiện thấp hơn so với lợi nhuận bình quân, bảo đảm quỹ tiền lương thực hiện sau khi giảm trừ không thấp hơn quỹ tiền lương tính trên cơ sở số lao động bình quân thực tế sử dụng và mức tiền lương chế độ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 44/2025;

+ Đối với doanh nghiệp năm thực hiện không có lợi nhuận hoặc lỗ thì quỹ tiền lương thực hiện được tính trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương chế độ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 44/2025. Trường hợp giảm lỗ (kể cả năm thực hiện không có lợi nhuận) so với lợi nhuận bình quân thì căn cứ vào mức độ giảm lỗ để xác định quỹ tiền lương, bảo đảm tương quan chung và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định.

2. Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực

Theo đó, các trường hợp nguồn điện, lưới điện không thuộc quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh như sau:

- Nguồn điện không tác động đến hệ thống điện quốc gia bao gồm:

+ Nguồn điện tại miền núi, biên giới, hải đảo chưa đấu nối, liên kết với hệ thống điện quốc gia;

+ Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

- Nguồn điện tác động nhỏ đến hệ thống điện quốc gia bao gồm:

+ Nguồn điện có đấu nối hệ thống điện quốc gia và có lắp đặt hệ thống thiết bị chống phát ngược vào hệ thống điện quốc gia;

+ Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới đấu nối lưới điện ở cấp hạ áp;

+ Nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới của hộ gia đình sử dụng nhà ở riêng lẻ, trụ sở cơ quan nhà nước và công trình công cộng;

+ Nguồn điện sử dụng nguồn nhiệt dư từ dây chuyền sản xuất sản phẩm cho nhu cầu tự sử dụng có đầu nối hoặc không đầu nối với lưới điện quốc gia và không bán điện lên hệ thống điện.

- Nguồn điện không đầu nối, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia, trừ trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu điện.

- Lưới điện hạ áp.

- Cải tạo, nâng cấp dự án điện lực không làm tăng quy mô công suất hoặc cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất bao gồm:

+ Cải tạo, nâng cấp nhà máy điện, trạm biến áp không làm tăng quy mô công suất, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất ngoài phạm vi nhà máy và các công trình hiện hữu;

+ Cải tạo, nâng cấp, hạ ngầm lưới điện không làm tăng cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất;

+ Di dời các công trình lưới điện để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư khác ngoài lĩnh vực điện lực theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội mà không thay đổi cấp điện áp hoặc quy mô công suất.

3. Nghị định số 57/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn

1. Sản lượng điện dư của Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực không quá 20% sản lượng điện thực phát. Giá mua bán sản lượng điện dư là giá điện năng thị trường điện bình quân của năm trước liền kề do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố và không vượt quá mức giá tối đa của khung giá phát điện của loại hình điện mặt trời mặt đất.

2. Trường hợp sản lượng tiêu thụ điện của Khách hàng sử dụng điện lớn hoặc sản lượng mua điện của Đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm được ủy quyền trong một chu kỳ giao dịch không lớn hơn sản lượng thực phát của Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo đã được phân bổ cho Khách hàng sử dụng điện lớn (hoặc Đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm được ủy quyền) và quy đổi về điểm giao nhận của Khách hàng sử dụng điện lớn (hoặc Đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm được ủy quyền) trong chu kỳ giao dịch đó, toàn bộ sản lượng tiêu thụ điện của Khách hàng sử dụng điện lớn hoặc sản lượng mua điện của Đơn vị

bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm được ủy quyền thanh toán theo các thành phần chi phí sau đây:

- Chi phí điện năng theo giá thị trường điện giao ngay áp dụng cho Đơn vị mua buôn điện theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành có tính tới tổn thất điện năng trên lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối;

- Chi phí sử dụng dịch vụ hệ thống điện, bao gồm các dịch vụ sau: truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện, điều hành - quản lý ngành;

- Chi phí thanh toán bù trừ chênh lệch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 57/2025/NĐ-CP.

4. Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới

Theo đó, điều kiện và thời hạn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển điện năng lượng mới như sau:

- Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ: Dự án điện năng lượng mới được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Điện lực 2024 khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Dự án điện năng lượng mới được sản xuất từ 100% hydrogen xanh hoặc 100% amoniac xanh hoặc 100% hỗn hợp của hydrogen xanh và amoniac xanh;

- + Dự án cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia;

- + Dự án đầu tiên cho từng loại hình điện năng lượng mới.

- Cơ chế ưu đãi:

(1) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá 03 năm tính từ ngày khởi công xây dựng. Giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển trong thời hạn 09 năm sau thời gian được miễn của thời gian xây dựng cơ bản;

(2) Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá 03 năm tính từ ngày khởi công xây dựng. Sau thời gian được miễn của thời gian xây dựng cơ bản, việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư và đất đai;

(3) Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn là 70% trong thời hạn trả nợ gốc vốn vay nhưng không quá 12 năm, trừ trường hợp nhà đầu tư và bên mua điện có thỏa thuận khác. Không áp dụng cơ chế này trong trường hợp dự án không phát được sản lượng tối thiểu cam kết do nguyên nhân từ phía dự án hoặc do nhu cầu

của phụ tải hoặc điều kiện kỹ thuật của hệ thống điện không tiêu thụ được hết sản lượng;

(4) Sau thời hạn quy định tại mục (1), (3), việc áp dụng các cơ chế ưu đãi thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm chấm dứt thời hạn.

5. Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực

- Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan;

+ Có ít nhất 01 người quản lý kỹ thuật có thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện ít nhất 05 năm và có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kỹ thuật điện, công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa hoặc ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật khác;

+ Có dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không cần phải được chấp thuận chủ trương đầu tư; ...

- Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực quy định như sau:

+ Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện, lĩnh vực truyền tải điện là 20 năm;

+ Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện là 10 năm.

- Mức công suất được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực đối với công trình phát điện để tự sử dụng, không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác như sau:

+ Không giới hạn quy mô công suất đối với công trình không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia;

+ Công suất lắp đặt dưới 30 MW đối với công trình có đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

6. Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Dưới đây là một số nội dung chính:

- Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định bao gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc trên không từ cột tháp gió đến trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn trạm điện và hành lang bảo vệ đường dây truyền tải, phân phối của công trình điện gió đến điểm đầu nối và hành lang bảo vệ an toàn các hạng mục phụ trợ khác của công trình điện gió.

- Khoảng cách an toàn từ nhà ở, công trình xây dựng đến dây dẫn điện gần nhất ở trạng thái vĩnh cửu đại quy định như sau: Đối với điện áp trên 01 kV đến 35 kV là 3,0 m; điện áp 110 kV là 4,0 m, điện áp 220 kV là 6,0 m.

- Nội dung huấn luyện cho người làm công việc thí nghiệm điện, kiểm định:

+ Nhận diện môi nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc thí nghiệm điện, kiểm định;

+ Quy trình kiểm định, quy trình thí nghiệm, quy định an toàn khi sử dụng các thiết bị khi thực hiện kiểm định, thí nghiệm;

+ An toàn điện trong việc tiến hành thử nghiệm, kiểm định các thiết bị, dụng cụ điện.

- Huấn luyện phân lý thuyết được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; huấn luyện phần thực hành được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp.

II. Thông tư

1. Thông tư số 16/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh

Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý:

- Phân loại nhà máy thủy điện trong thị trường điện:

+ Nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu;

+ Nhóm nhà máy thủy điện bậc thang;

+ Nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết từ 02 ngày trở lên;

+ Nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết dưới 02 ngày;

Đối với nhà máy thủy điện sử dụng nước từ hồ chứa thủy lợi để phát điện và có các yêu cầu đặc biệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Cơ quan quản lý Nhà nước về điện lực có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương xem xét quyết định hình thức tham gia thị trường điện của nhà máy điện trong năm đó.

- Các trường hợp chấm dứt tham gia thị trường điện

+ Nhà máy điện chấm dứt tham gia thị trường điện trong các trường hợp sau:

(i) Theo đề nghị của đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện trong trường hợp nhà máy điện ngừng vận hành hoàn toàn hoặc nhà máy điện không duy trì và không có khả năng khôi phục lại công suất đặt theo thông tin đăng ký tham gia thị trường điện trong thời hạn 01 năm;

(ii) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện của nhà máy điện bị thu hồi hoặc hết hiệu lực.

+ Đơn vị mua buôn điện không tiếp tục mua điện tại các điểm giao nhận thuộc phạm vi thị trường điện hoặc Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ điện bị thu hồi hoặc hết hiệu lực.

- Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tính toán ít nhất 03 phương án giá trần thị trường điện

2. Thông tư số 17/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định phương pháp lập và trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá bán buôn điện; phương pháp xác định giá bán buôn điện; nội dung chính của hợp đồng bán buôn điện

Theo đó, quy định về khung giá bán buôn điện điều chỉnh như sau:

- Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh khung giá bán buôn điện phù hợp với biến động sản lượng điện thương phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh điện, chi phí mua điện từ thị trường điện, chi phí mua điện từ các nhà máy ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với Tổng công ty Điện lực, doanh thu và lợi nhuận định mức của Tổng công ty Điện lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm xây dựng khung giá bán buôn điện điều chỉnh, gửi báo cáo tính toán về Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực để thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định theo quy định về hồ sơ khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N.

- Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực có trách nhiệm rà soát hồ sơ khung giá bán buôn điện điều chỉnh. Trường hợp hồ sơ khung giá bán buôn điện điều chỉnh không đầy đủ, hợp lệ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực có trách nhiệm thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực trình, Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N.

- Hồ sơ khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N bao gồm:

+ Tờ trình về việc xây dựng khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N;

+ Thuyết minh và các bảng tính khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N, gồm: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện thương phẩm, tỷ lệ tổn thất điện năng, tình hình thực hiện doanh thu, các chi phí, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu ước thực hiện năm N; Thuyết minh và bảng tính, dự kiến các thành phần chi phí, lợi nhuận của Tổng công ty Điện lực trong khung giá bán buôn điện điều chỉnh;

+ Các tài liệu, văn bản khác có liên quan (nếu có).

- Hồ sơ khung giá bán buôn điện điều chỉnh được lập bằng văn bản giấy, hình thức thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản theo quy định của pháp luật. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ theo hình thức thông điệp dữ liệu và gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ bằng văn bản giấy (nếu cần) tới Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực.

3. Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

(i) Quyết định thành lập hội đồng thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư theo quy định tại Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(ii) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở theo quy định tại Mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Thuộc đối tượng phải thành lập đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thuộc đối tượng cấp lại giấy phép môi trường quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

(iii) Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát thực tế trong trường hợp cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(iv) Biên bản họp hội đồng thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư theo quy định tại Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(v) Biên bản kiểm tra cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở theo quy định tại Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(vi) Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư theo quy định tại Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(vii) Phiếu thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư theo quy định tại Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(viii) Bản nhận xét của thành viên đoàn kiểm tra cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở theo quy định tại Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(ix) Văn bản thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở theo quy định tại Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(x) Giấy phép môi trường (cấp, cấp đổi, cấp lại) quy định tại Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(xi) Giấy phép môi trường điều chỉnh quy định tại Mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

(xii) Quyết định thu hồi giấy phép môi trường quy định tại Mẫu số 42 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT...

4. Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTBXH ngày 11/02/2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.

Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý:

- Có 06 loại điều kiện lao động trong đó:

+ Xếp loại I, II, III: nghề, công việc không nặng nhọc, không độc hại, không nguy hiểm;

+ Xếp loại IV: nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Xếp loại V, VI: nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Các phương pháp đánh giá xếp loại điều kiện lao động gồm:

+ Phương pháp đánh giá, tính điểm;

+ Phương pháp thống kê, kinh nghiệm;

+ Phương pháp kết hợp giữa phương pháp đánh giá, tính điểm với phương pháp thống kê, kinh nghiệm và lấy ý kiến của bộ quản lý;

- Phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp kết hợp được áp dụng đối với:

+ Nghề, công việc có yếu tố gây thiệt hại tới tính mạng, sức khỏe của người lao động nhưng không đủ 06 yếu tố đặc trưng hoặc không đủ 03 nhóm yếu tố trong hệ thống chỉ tiêu về điều kiện lao động;

+ Nghề, công việc có tính chất nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, môi trường: tiếp xúc với hóa chất độc bảng A, phóng xạ.

Biên tập viên: Lê Gia Lộc Sơn